

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 -05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06-37
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11-37

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Ủy viên
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phụng	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



Hoàng Minh Anh Tú

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2018

Số: 290818.009/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 20 tháng 08 năm 2018, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		112,728,126,839	103,045,477,938
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	8,567,665,818	20,084,140,336
111	1. Tiền		1,067,665,818	11,584,140,336
112	2. Các khoản tương đương tiền		7,500,000,000	8,500,000,000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	29,000,000,000	24,500,000,000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		29,000,000,000	24,500,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		58,897,285,309	47,665,841,176
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	30,810,904,466	27,209,662,271
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	6,622,571,130	-
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	19,000,000,000	18,300,000,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2,534,721,256	2,227,090,448
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(70,911,543)	(70,911,543)
140	IV. Hàng tồn kho	10	15,494,681,199	10,748,681,549
141	1. Hàng tồn kho		15,494,681,199	10,748,681,549
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		768,494,513	46,814,877
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	222,270,129	46,814,877
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		546,224,384	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		100,879,186,697	100,379,767,310
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2,506,000,000	2,505,000,000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	2,500,000,000	2,500,000,000
216	2. Phải thu dài hạn khác		6,000,000	5,000,000
220	II. Tài sản cố định		18,592,923,597	19,192,517,754
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	14,221,688,009	14,784,910,291
222	- Nguyên giá		49,336,243,463	49,106,537,237
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(35,114,555,454)	(34,321,626,946)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	4,371,235,588	4,407,607,463
228	- Nguyên giá		6,817,087,997	6,777,087,997
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2,445,852,409)	(2,369,480,534)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	30,197,569,587	31,158,906,351
231	- Nguyên giá		52,456,972,189	52,456,972,189
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(22,259,402,602)	(21,298,065,838)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		5,692,282,408	4,554,197,897
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	5,692,282,408	4,554,197,897
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	43,360,987,207	42,360,987,207
251	1. Đầu tư vào công ty con		40,200,000,000	40,000,000,000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4,700,000,000	4,700,000,000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		122,329,200	122,329,200
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1,661,341,993)	(2,461,341,993)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		529,423,898	608,158,101
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	529,423,898	608,158,101
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		213,607,313,536	203,425,245,248

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018**(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		14,076,670,777	6,303,130,448
310	I. Nợ ngắn hạn		14,076,670,777	6,303,130,448
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	6,808,965,343	1,649,675,964
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		140,440,000	29,640,000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	30,157,600	331,367,322
314	4. Phải trả người lao động		341,450,000	610,021,000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	18	2,852,709,896	2,724,644,560
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	2,990,611,800	-
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		912,336,138	957,781,602
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		199,530,642,759	197,122,114,800
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	199,530,642,759	197,122,114,800
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		61,725,230,000	61,725,230,000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>61,725,230,000</i>	<i>61,725,230,000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		137,662,054,443	137,662,054,443
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2,140,945,047	2,140,945,047
415	4. Cổ phiếu quỹ		(11,666,581,607)	(11,666,581,607)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		2,243,857,861	2,243,857,861
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7,425,137,015	5,016,609,056
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>4,876,609,056</i>	<i>1,651,197,480</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>2,548,527,959</i>	<i>3,365,411,576</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		213,607,313,536	203,425,245,248



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập



Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	28,928,222,548	34,142,352,966
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	35,781,354	39,031,200
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		28,892,441,194	34,103,321,766
11	4. Giá vốn hàng bán	24	25,057,014,229	30,831,736,520
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3,835,426,965	3,271,585,246
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	1,843,439,911	2,133,376,149
22	7. Chi phí tài chính	26	(768,420,378)	1,454,021,413
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		6,935,962	993,493
25	8. Chi phí bán hàng	27	721,303,903	765,379,264
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	3,001,735,088	3,268,134,430
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2,724,248,263	(82,573,712)
31	11. Thu nhập khác		-	2,550,000
32	12. Chi phí khác		175,720,304	5,930,664
40	13. Lợi nhuận khác		(175,720,304)	(3,380,664)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2,548,527,959	(85,954,376)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2,548,527,959	(85,954,376)



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập



Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2,548,527,959	(85,954,376)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2,297,564,731	4,009,065,684
03	- Các khoản dự phòng		(800,000,000)	1,400,000,000
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	1,813,777
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1,685,305,249)	(2,106,886,961)
06	- Chi phí lãi vay		6,935,962	993,493
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2,367,723,403	3,219,031,617
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(6,275,635,184)	3,192,398,993
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(4,745,999,650)	307,128,927
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		4,828,373,993	(1,442,915,001)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(96,721,049)	(1,037,405,316)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(6,935,962)	(993,493)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(185,445,464)	(1,000,000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(4,114,639,913)	4,236,245,727
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6,890,796,192)	(751,430,006)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		363,636,364	2,550,000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(17,500,000,000)	(6,500,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		12,300,000,000	10,200,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(200,000,000)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1,534,713,423	1,236,785,732
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(10,392,446,405)	4,187,905,726
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		4,316,425,988	1,899,999,991
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1,325,814,188)	(1,899,999,991)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2,990,611,800	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(11,516,474,518)	8,424,151,453

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		20,084,140,336	14,717,528,066
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(6,970)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	8,567,665,818	23,141,672,549



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 61.725.230.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 61.725.230.000 đồng; tương đương 6.172.523 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu bao bì và cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất ngành in, ngành bao bì giấy, ngành bao bì nhựa, ngành khăn giấy;
- Sản xuất ngành hóa chất nhựa, hạt nhựa màu;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất băng đĩa nhạc;
- Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp In Tổng hợp Alta	TP Hồ Chí Minh	In ấn
Xí nghiệp In Đa Phương Tiện	TP Hồ Chí Minh	In ấn, sản xuất phim
Trung tâm giải trí, rạp Cinemax	TP Hồ Chí Minh	TT giải trí, rạp 3D-4D

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Tập đoàn”) cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo nên việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	40 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	04 - 06 năm

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
--------------------------	-------------

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là: hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

2.24 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Tiền mặt	737,492,413	5,929,830,496
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	330,173,405	5,654,309,840
Các khoản tương đương tiền	7,500,000,000	8,500,000,000
	<u>8,567,665,818</u>	<u>20,084,140,336</u>

Tại 30/06/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng có giá trị 7.500.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn	29,000,000,000	29,000,000,000	24,500,000,000	24,500,000,000
	29,000,000,000	29,000,000,000	24,500,000,000	24,500,000,000

Tại ngày 30/06/2018, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,3%/năm đến 7,2 %/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	40,200,000,000	(1,661,341,993)	40,000,000,000	(2,461,341,993)
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	20,000,000,000	(1,661,341,993)	20,000,000,000	(2,461,341,993)
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	20,000,000,000	-	20,000,000,000	-
- Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc (1)	200,000,000	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	4,700,000,000	-	4,700,000,000	-
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	4,700,000,000	-	4,700,000,000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	122,329,200	-	122,329,200	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Đồng Nai	62,829,200	-	62,829,200	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Giấy Lê Hoa	59,500,000	-	59,500,000	-
	45,022,329,200	(1,661,341,993)	44,822,329,200	(2,461,341,993)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(1): Theo Quyết định số 38/2017/QĐHĐQT ngày 17/08/2017, Công ty quyết định thành lập Công ty con là Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc tại địa chỉ 86/33 Âu Cơ, Phường 9, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh với vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng, vốn thực góp đến 30/06/2018 là 200.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2018 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Sản xuất và dịch vụ
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Công nghệ thông tin

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2018 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47.00%	47.00%	In ấn và quảng cáo

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Ứng Dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	24,068,667,750	-	19,932,955,741	-
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	2,145,605,469	-	1,355,583,865	-
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	3,014,159,721	-	2,464,273,257	-
Phải thu khách hàng khác	1,582,471,526	(70,911,543)	3,456,849,408	(70,911,543)
	30,810,904,466	(70,911,543)	27,209,662,271	(70,911,543)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Bình Tân	1,500,000,000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Ứng Dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	2,076,344,320	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Cơ khí Xây dựng Thành Luân	2,000,000,000	-	-	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Đạt Phát	1,000,000,000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	46,226,810	-	-	-
	6,622,571,130	-	-	-

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Bà Trần Thị Huệ ⁽¹⁾	4,000,000,000	-	3,000,000,000	-
Bà Nguyễn Thị Xuân	-	-	300,000,000	-
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc ⁽²⁾	15,000,000,000	-	15,000,000,000	-
	19,000,000,000	-	18,300,000,000	-
b) Dài hạn				
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc ⁽³⁾	2,500,000,000	-	2,500,000,000	-
	2,500,000,000	-	2,500,000,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Bà Trần Thị Huệ với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền cho vay: 4.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Mua nhà;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 03 tháng kể từ ngày nhận tiền;
 - + Lãi suất cho vay: 5,3%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 4.000.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (2) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền cho vay: 15.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 24 tháng kể từ ngày nhận tiền và sẽ đến hạn thanh toán trong năm 2018.
 - + Lãi suất cho vay: 7%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 15.000.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (3) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền cho vay: 5.500.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 5 năm kể từ ngày nhận tiền;
 - + Lãi suất cho vay: 7,75%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 2.500.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

8 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1,804,957,895	-	1,804,957,895	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	667,458,333	-	364,425,000	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	1,350,975	-	91,640	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	3,104,120	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	91,220	-	-	-
Phải thu khác	57,758,713	-	57,615,913	-
	2,534,721,256	-	2,227,090,448	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

9 . NỢ XẤU

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Đình Phong	26,000,000	-	26,000,000	-
- Công ty Cổ phần Mỹ thuật Sen Việt	44,911,543	-	44,911,543	-
	70,911,543	-	70,911,543	-

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	14,463,180,814	-	8,080,902,933	-
Công cụ, dụng cụ	186,623,344	-	175,014,852	-
Thành phẩm	53,613,980	-	1,068,618,341	-
Hàng hoá	791,263,061	-	1,424,145,423	-
	15,494,681,199	-	10,748,681,549	-

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	4,554,197,897	4,554,197,897
- Mua sắm căn hộ (*)	4,554,197,897	4,554,197,897
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1,138,084,511	-
- Sửa chữa nhà máy ALTA	128,550,535	-
- Sửa chữa Trung tâm Unique	206,903,300	-
- Sửa chữa các cơ sở khác	802,630,676	-
	5,692,282,408	4,554,197,897

(*) Công ty đang đóng tiền theo tiến độ để mua 2 căn hộ cao cấp của dự án Golden Mansion tại số 119 Phố Quang, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh với mục đích cho chuyên gia nước ngoài thuê. Đến thời điểm 30/06/2018, các căn hộ này chưa hoàn thành bàn giao cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	19,576,611,314	24,485,234,153	4,420,485,246	624,206,524	49,106,537,237
- Mua trong kỳ	201,603,862	-	1,011,107,819	-	1,212,711,681
- Phân loại lại	1	(26,536,752)	-	26,536,751	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(983,005,455)	-	(983,005,455)
Số dư cuối kỳ	19,778,215,177	24,458,697,401	4,448,587,610	650,743,275	49,336,243,463
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	12,859,816,574	18,523,466,567	2,314,137,281	624,206,524	34,321,626,946
- Khấu hao trong kỳ	390,689,624	629,340,369	213,289,348	26,536,751	1,259,856,092
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(466,927,584)	-	(466,927,584)
Số dư cuối kỳ	13,250,506,198	19,152,806,936	2,060,499,045	650,743,275	35,114,555,454
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	6,716,794,740	5,961,767,586	2,106,347,965	-	14,784,910,291
Tại ngày cuối kỳ	6,527,708,979	5,305,890,465	2,388,088,565	-	14,221,688,009

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.846.824.321 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6,237,885,093	539,202,904	6,777,087,997
- Mua trong kỳ	-	40,000,000	40,000,000
Số dư cuối kỳ	6,237,885,093	579,202,904	6,817,087,997
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1,830,277,630	539,202,904	2,369,480,534
- Khấu hao trong kỳ	74,705,208	1,666,667	76,371,875
Số dư cuối kỳ	1,904,982,838	540,869,571	2,445,852,409
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	4,407,607,463	-	4,407,607,463
Tại ngày cuối kỳ	4,332,902,255	38,333,333	4,371,235,588

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa vật kiến trúc, cơ sở hạ tầng của tòa nhà Alta Plaza có địa chỉ tại đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng với mục đích cho thuê với nguyên giá là 52.456.972.189 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2018 là 22.259.402.602 đồng, trong đó khấu hao trong kỳ là 961.336.764 đồng.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	12,672,723	46,814,877
Chi phí bảo hiểm	61,203,672	-
Chi phí duy tu cơ sở hạ tầng trong khu công nghiệp	67,911,600	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	80,482,134	-
	222,270,129	46,814,877
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	186,443,149	363,252,394
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ	65,135,383	120,965,707
Chi phí trả trước dài hạn khác	277,845,366	123,940,000
	529,423,898	608,158,101

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	33,183,634	33,183,634	78,292,465	78,292,465
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng Cáo Lê Trần	181,643,000	181,643,000	248,076,943	248,076,943
- Xinhengjia Supply Chain (HK) Co., Ltd	388,168,496	388,168,496	740,871,996	740,871,996
- Marubeni Asian Pte. Ltd	5,479,368,900	5,479,368,900	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	726,601,313	726,601,313	582,434,560	582,434,560
	6,808,965,343	6,808,965,343	1,649,675,964	1,649,675,964

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	322,209,722	1,566,945,904	1,889,155,626	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	40,593,456	40,593,456	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	9,157,600	90,952,247	69,952,247	-	30,157,600
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	27,235,188	27,235,188	-	-
Các loại thuế khác	-	-	16,274,114	16,274,114	-	-
	-	331,367,322	1,742,000,909	2,043,210,631	-	30,157,600

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1,727,880,872	1,616,880,872
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	29,394,040	29,394,040
- Quỹ phải trả người lao động	1,073,555,442	1,073,555,442
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	21,879,542	4,814,206
	2,852,709,896	2,724,644,560

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

19 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2018		Trong kỳ		30/06/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	-	-	4,316,425,988	1,325,814,188	2,990,611,800	2,990,611,800
	-	-	4,316,425,988	1,325,814,188	2,990,611,800	2,990,611,800

Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 512/TBN-KDN/17NH ngày 28 tháng 06 năm 2017, và Hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 18 tháng 07 năm 2018 với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 26/09/2018 ;
- + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	1,758,775,074	6,548,471,380	198,168,894,337
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	(85,954,376)	(85,954,376)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	485,082,787	(4,897,273,900)	(4,412,191,113)
Số dư cuối kỳ trước	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	2,243,857,861	1,565,243,104	193,670,748,848
Số dư đầu năm nay	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	2,243,857,861	5,016,609,056	197,122,114,800
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	2,548,527,959	2,548,527,959
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành và chi thường Ban Điều hành	-	-	-	-	-	(140,000,000)	(140,000,000)
Số dư cuối kỳ này	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	2,243,857,861	7,425,137,015	199,530,642,759

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQĐHCĐ ngày 18 tháng 04 năm 2018, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Số tiền
	VND
Chi thường Ban Điều hành	384,000,000
Chi trả cổ tức (bằng 8% vốn điều lệ) (*)	4,589,367,200

(*) Đến thời điểm 30/06/2018, Công ty chưa chốt danh sách nhận cổ tức và gửi danh sách cho Trung tâm lưu ký Việt Nam về việc phân phối lợi nhuận năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	17.03%	10,512,440,000	17.03%	10,512,440,000
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	12.32%	7,602,110,000	12.32%	7,602,110,000
Ông Hoàng Văn Điều	9.38%	5,788,600,000	9.38%	5,788,600,000
Bà Lại Thị Hồng Diệp	5.77%	3,558,630,000	5.77%	3,558,630,000
Ông La Thế Nhân	4.79%	2,955,500,000	4.79%	2,955,500,000
Cổ đông khác	43.66%	26,949,810,000	43.66%	26,949,810,000
Cổ phiếu quỹ	7.05%	4,358,140,000	7.05%	4,358,140,000
	100%	61,725,230,000	100%	61,725,230,000

c) Các quỹ công ty

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2,243,857,861	2,243,857,861
	2,243,857,861	2,243,857,861

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	30/06/2018	01/01/2018
- Đồng đô la Mỹ (USD)	329.29	335.89

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	22,251,642,232	22,323,281,910
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6,676,580,316	11,819,071,056
	28,928,222,548	34,142,352,966

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	35,781,354	39,031,200
	35,781,354	39,031,200

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2,251,291,364	3,300,316,439
Giá vốn của hàng hóa đã bán	20,403,114,766	18,733,528,922
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2,402,608,099	8,797,891,159
	25,057,014,229	30,831,736,520

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1,837,746,756	1,675,379,066
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	428,957,895
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5,693,155	29,039,188
	1,843,439,911	2,133,376,149

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	6,935,962	993,493
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	24,643,660	51,214,143
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	1,813,777
Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(800,000,000)	1,400,000,000
	(768,420,378)	1,454,021,413

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	69,701,620	123,146,640
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6,197,274	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	302,011,393	277,835,754
Chi phí khác bằng tiền	343,393,616	364,396,870
	721,303,903	765,379,264

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29,689,062	191,334,741
Chi phí nhân công	1,737,997,630	1,661,945,340
Chi phí khấu hao tài sản cố định	474,630,155	610,185,202
Thuế, phí, lệ phí	38,496,608	54,123,810
Chi phí dịch vụ mua ngoài	539,341,183	506,075,490
Chi phí khác bằng tiền	181,580,450	244,469,847
	3,001,735,088	3,268,134,430

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,548,527,959	(85,954,376)
Các khoản điều chỉnh tăng	23,278,797	-
- Chi phí không hợp lệ	23,278,797	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(2,571,806,756)	(428,957,895)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(428,957,895)
- Chuyển lỗ các năm trước	(2,571,806,756)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	(514,912,271)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,143,312,742	3,225,579,954
Chi phí nhân công	2,257,172,771	3,398,596,782
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,297,564,731	4,009,065,684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,018,825,100	2,816,501,549
Chi phí khác bằng tiền	645,058,749	2,554,282,391
	7,361,934,093	16,004,026,360

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8,567,665,818	-	-	8,567,665,818
Phải thu khách hàng, phải thu khác	33,274,714,179	6,000,000	-	33,280,714,179
Các khoản cho vay	48,000,000,000	2,500,000,000	-	50,500,000,000
	89,842,379,997	2,506,000,000	-	92,348,379,997
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20,084,140,336	-	-	20,084,140,336
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29,365,841,176	5,000,000	-	29,370,841,176
Các khoản cho vay	42,800,000,000	2,500,000,000	-	45,300,000,000
	92,249,981,512	2,505,000,000	-	94,754,981,512

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2018				
Vay và nợ	2,990,611,800	-	-	2,990,611,800
Phải trả người bán, phải trả khác	9,661,675,239	-	-	9,661,675,239
	12,652,287,039	-	-	12,652,287,039
Tại ngày 01/01/2018				
Phải trả người bán, phải trả khác	4,374,320,524	-	-	4,374,320,524
	4,374,320,524	-	-	4,374,320,524

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất và thương mại	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22,215,860,878	6,676,580,316	28,892,441,194
Chi phí bộ phận trực tiếp	22,654,406,130	2,402,608,099	25,057,014,229
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(438,545,252)	4,273,972,217	3,835,426,965
Tổng chi phí mua TSCĐ	1,341,262,216	1,049,533,976	2,390,796,192
Tài sản bộ phận trực tiếp	164,246,085,271	49,361,228,265	213,607,313,536
Tổng tài sản	164,246,085,271	49,361,228,265	213,607,313,536
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	10,823,777,662	3,252,893,115	14,076,670,777
Tổng nợ phải trả	10,823,777,662	3,252,893,115	14,076,670,777

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

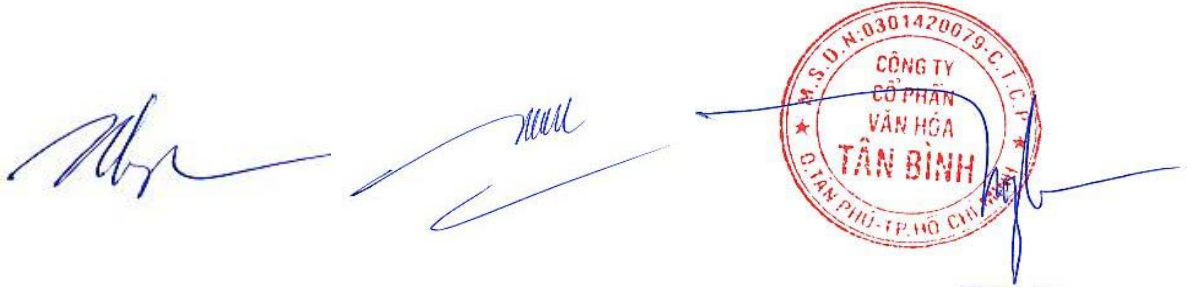
Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2018